TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ MỸ** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/DS-ST
Ngày 29-7-2021
V/v tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung và tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.

2. Ông Lê Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc *"Tranh chấp tài sản chung là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2327/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1949; địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định; địa chỉ khu phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định: Ông Phan Xuân V-Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phù Mỹ; địa chỉ khu phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 06/GUQ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; địa chỉ thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định: Ông Trần Phúc H; địa chỉ thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định-Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mỹ Châu đại diện theo pháp luật; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn H, sinh năm 1953; địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956; địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; địa chỉ thôn Vạn Thiết, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

6. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1978; địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

7. Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1980; địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

8. Chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1984; địa chỉ số nhà 12 đường 9A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Như T, sinh năm 1992; địa chỉ số nhà 01 đường 9A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Cha, mẹ của bà là ông Nguyễn Diêu, chết năm 1970 và bà Nguyễn Thị Khái, chết

năm 2016. Cha, mẹ của bà sinh được 05 người con gồm ông Nguyễn H, ông Nguyễn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M và bà. Cha của bà có một người con riêng là bà Đặng Thị T. Ngoài ra cha, mẹ của bà không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông, bà nội và ông, bà ngoại của bà đều đã chết nhưng không nhớ chết năm nào. Khi còn sống, cha, mẹ của bà có tạo lập được tài sản là ngôi nhà và thửa đất tại thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Đến khoảng năm 1981, ngôi nhà của cha, mẹ bị sập nên ông Nguyễn Văn B về xây dựng lại nhà mới. Thời điểm này bà cùng với mẹ của bà đến thửa đất có tục danh là Vườn Ngữ tại thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định để khai hoang, bồi trúc, xây dựng nhà tạm trên thửa đất này để ở. Đến năm 1993, thực hiện chủ trương đăng ký kê khai sử dụng đất thì bà và mẹ bà tiến hành kê khai sử dụng và được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mẹ của bà và bà được quyền sử dụng thửa đất số 400, tờ bản dồ số 07, diện tích 764m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 564m^2 đất vườn. Đến năm 1999, vì ngôi nhà tạm bị hư hỏng nên bà bỏ ra 08 chỉ vàng 24k để xây dựng lại ngôi nhà cấp 4 như hiện nay. Sau khi xây dựng ngôi nhà trên thì mẹ của bà cùng với bà tiếp tục ở trong ngôi nhà này, đến năm 2001 bà kết hôn nên về sinh sống tại thôn Quang Nghiễm, xã Mỹ Châu nhưng bà vẫn thường xuyên đi về nhà để chăm sóc cho mẹ. Vào ngày 10 tháng 11 năm 2004, mẹ của bà cùng với các anh, chị và bà thống nhất lập giấy thuận phân giao ngôi nhà và thửa đất trên cho ông Nguyễn H được quyền sở hữu, sử dụng; ông Nguyễn H có trách nhiệm nuôi mẹ và trả lại cho bà 08 chỉ vàng 24k mà bà đã bỏ ra để xây dựng ngôi nhà vào năm 1999. Sau khi lập giấy thuận phân trên nhưng ông H không thực hiện trách nhiệm phụng dưỡng mẹ cũng như không trả vàng cho bà. Vào năm 2012, Ủy ban nhân dân huyện P cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên thành thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55, diện tích 839,7m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 639,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Đến năm 2014, ông H đưa mẹ về chăm sóc nhưng chỉ được thời gian ngắn thì đến năm 2015 ông H chết; năm 2016 mẹ của bà chết. Sau khi mẹ của bà chết thì bà có gặp bà Đặng Thị L là vợ của ông H yêu cầu trả 08 chỉ vàng cho bà và sửa chữa lại ngôi nhà nhưng bà Đặng Thị L trả lời không có vàng. Lúc đó bà Đặng Thị L đồng ý để bà sửa chữa lại ngôi nhà nhưng đến khi bà mua vật liệu tiến hành sửa nhà thì anh Nguyễn Văn T là con trai ông H cùng bà Đặng Thị L ngăn cản không cho bà sửa chữa dẫn đến các bên xảy ra tranh chấp.

Ngoài ra, vào năm 1993 nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất thì mẹ của bà và bà được cân đối giao quyền sử dụng ba thửa đất nông nghiệp trồng lúa gồm thửa đất số 775, tờ bản đồ số 07 nay là thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32, diện tích 623,4m^2; thửa đất số 556, tờ bản đồ số 06 nay là thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31, diện tích 484,1m^2; thửa đất số 769, tờ bản đồ số 07 nay là thửa đất số 297, tờ bản đồ số 32, diện tích 494,2m^2 đều tọa lạc tại thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Nay bà khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản chung và chia di sản thừa kế cụ thể như sau:

Yêu cầu chia cho bà được quyền sử dụng diện tích ½ thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 cùng ngôi nhà xây dựng trên thửa đất vì đây là tài sản thuộc sở hữu chung của bà và

mẹ của bà, còn ngôi nhà là tài sản riêng của bà. Đối với diện tích ½ thửa đất còn lại của mẹ thì bà yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Hiện nay không có ai trực tiếp quản lý, sử dụng ngôi nhà và thửa đất trên.

Yêu cầu chia tài sản chung của bà và mẹ của bà gồm thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32, diện tích 623,4m^2 đất nông nghiệp trồng lúa; thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31, diện tích 484,1m^2 đất nông nghiệp trồng lúa. Bà yêu cầu giao cho bà được quyền sử dụng thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32. Đối với di sản mà mẹ của bà chết để lại trong khối tài sản chung trên thì bà yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Hiện nay bà đang quản lý thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31; anh Nguyễn Duy Q đang quản lý thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32.

Tại yêu cầu khởi kiện bà yêu cầu chia thửa đất số 297, tờ bản đồ số 32, diện tích 494,2m^2 đất nông nghiệp trồng lúa và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07590 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 16 tháng 12 năm 2012 nhưng nay bà rút lại yêu cầu khởi kiện trên. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Đặng Thị L trình bày: Chồng của bà là ông Nguyễn H, chết năm 2015. Vợ chồng của bà sinh được 05 người con gồm Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị E, Nguyễn Như T. Ngoài ra vợ chồng bà không có con riêng, con nuôi nào khác. Chồng bà chết không để lại di chúc. Về quan hệ gia đình của chồng bà thì bà thống nhất như bà Nguyễn Thị H trình bày. Khi mẹ chồng của bà còn sống có tạo lập thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 tại thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và ngôi nhà trên thửa đất. Bà Nguyễn Thị H đóng góp 08 chỉ vàng 24k để xây dựng ngôi nhà chứ thửa đất này không phải là tài sản chung của bà H và mẹ của bà; ngôi nhà không phải là tài sản riêng của bà H. Vào ngày 10 tháng 11 năm 2004 âm lịch, mẹ chồng bà cùng các con có lập giấy thuận phân để lại nhà đất này cho chồng của bà được sở hữu, sử dụng ngôi nhà và thửa đất trên. Theo Giấy thuận phân này thì chồng của bà có trách nhiệm trả cho bà H 08 chỉ vàng 24k nhưng đến khi chồng của bà chết thì vẫn chưa trả số vàng trên cho bà H. Vào năm 2014, vợ chồng của bà có đưa mẹ chồng của bà về nhà để chăm sóc nhưng đến năm 2015 thì chồng của bà chết; đến năm 2016 thì mẹ chồng của bà chết. Nay bà không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với di sản mà mẹ chồng của bà chết để lại. Bà cũng không yêu cầu chia di sản nào khác mà mẹ chồng của bà chết để lại. Việc yêu cầu chia, nhận di sản mà mẹ chồng của bà chết để lại do các con của bà quyết định. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thống nhất về quan hệ gia đình như bà Nguyễn Thị H và mẹ của anh là bà Đặng Thị L trình bày. Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55, và ngôi nhà trên đất; thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32; thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31 mà bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà nội của anh. Bà Nguyễn Thị H chỉ đóng góp 08 chỉ vàng 24k để xây dựng ngôi nhà trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55. Vì tình nghĩa bà con và bà Nguyễn Thị H có đóng góp, sống cùng nhà với bà nội

của anh nên nay anh yêu cầu giao cho bà H được quyền sở hữu, sử dụng ½ diện tích thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55; giao cho anh cùng với các em của anh là Nguyễn Thị Y, Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị E, Nguyễn Như T đồng sở hữu, sử dụng ngôi nhà và ½ diện tích thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55. Anh cùng với các em của anh là Nguyễn Thị Y, Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị E, Nguyễn Như T không có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H 08 chỉ vàng 24k. Yêu cầu giao cho anh cùng với các em của anh là Nguyễn Thị Y, Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị E, Nguyễn Như T được quyền sử dụng thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32; giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31. Hiện nay bà Nguyễn Thị H đang quản lý thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31; anh Nguyễn Duy Q đang quản lý thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32. Anh cũng không tranh chấp, yêu cầu gì đối với thửa đất số 297, tờ bản đồ số 32, diện tích 494,2m^2 đất nông nghiệp trồng lúa và cũng không khiếu kiện gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07590 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 16 tháng 12 năm 2012. Ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Y trình bày: Chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của anh Nguyễn Văn T. Ngoài ra chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy Q trình bày: Anh thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của anh Nguyễn Văn T. Ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị E vắng mặt nhưng tại lời khai chị Nguyễn Thị E trình bày: Chị thống nhất về quan hệ gia đình như bà Đặng Thị L trình bày. Trước khi bà nội của chị chết có để lại di chúc và di chúc này do anh Nguyễn Duy Q đang quản lý. Thửa đất số 22 tờ bản đồ số 55; thửa số 435, tờ bản đồ số 32; thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31, địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định là tài sản riêng của bà nội của chị nên chị không đồng ý tất cả các yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Ngoài ra chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Như T vắng mặt nhưng tại lời khai anh Nguyễn Như T trình bày: Anh thống nhất về quan hệ gia đình như bà Đặng Thị L trình bày. Trước khi bà nội của anh chết có để lại di chúc và di chúc này do anh Nguyễn Duy Q đang quản lý. Thửa đất số 22 tờ bản đồ số 55; thửa số 435, tờ bản đồ số 32; thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31, địa chỉ tại thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định tài sản riêng của bà nội của anh nên anh không đồng ý tất cả các yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông thống nhất về quan hệ gia đình như bà Nguyễn Thị H và bà Đặng Thị L đã trình bày. Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55; thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32; thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31 mà bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia là tài sản thuộc quyền sử dụng chung của mẹ ông và bà Nguyễn Thị H.

Ông và ông Nguyễn H, ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị M đều được quyền sử dụng các thửa đất khác. Ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 là tài sản thuộc quyền sở hữu riêng của bà Nguyễn Thị H. Nay ông thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên của bà Nguyễn Thị H. Ông yêu cầu nhận bằng hiện vật đối với phần di sản các thửa đất trên mà mẹ của ông chết để lại theo quy định của pháp luật. Ông cũng không tranh chấp, yêu cầu gì đối với thửa đất số 297, tờ bản đồ số 32, diện tích 494,2m^2 đất nông nghiệp trồng lúa và cũng không khiếu kiện gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07590 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 16 tháng 12 năm 2012. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà thống nhất về quan hệ gia đình như bà Nguyễn Thị H và bà Đặng Thị L đã trình bày. Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55; thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32; thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31 mà bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia là tài sản thuộc quyền sử dụng chung của mẹ bà và bà Nguyễn Thị H. Bà và ông Nguyễn H, ông Nguyễn H, ông Nguyễn Văn B đều được quyền sử dụng các thửa đất khác. Ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 là tài sản thuộc quyền sở hữu riêng của bà Nguyễn Thị H. Nay bà thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên của bà Nguyễn Thị H. Bà yêu cầu nhận bằng hiện vật đối với phần di sản các thửa đất trên mà mẹ của bà chết để lại theo quy định của pháp luật. Bà cũng không tranh chấp, yêu cầu gì đối với thửa đất số 297, tờ bản đồ số 32, diện tích 494,2m^2 đất nông nghiệp trồng lúa và cũng không khiếu kiện gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07590 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 16 tháng 12 năm 2012. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H vắng mặt nhưng tại lời khai ông Nguyễn H trình bày: Ông thống nhất về quan hệ gia đình như bà Nguyễn Thị H đã trình bày. Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 mà bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia là tài sản thuộc quyền sử dụng riêng của mẹ ông; ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất trên là tài sản thuộc quyền sở hữu chung của mẹ ông và bà Nguyễn Thị H. Đối với thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32; thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31 được nhà nước giao quyền sử dụng cho mẹ của ông và bà Nguyễn Thị H. Ông và ông Nguyễn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M đều được quyền sử dụng các thửa đất khác. Nay ông không tranh chấp gì đối với di sản của mẹ ông chết để lại. Ông từ chối nhận phần di sản mà mẹ của ông chết để lại. Ông yêu cầu chia di sản mà mẹ của ông chết để lại cho các đồng thừa kế khác chứ ông không nhận bất kỳ di sản gì. Ông cũng không tranh chấp, yêu cầu gì đối với thửa đất số 297, tờ bản đồ số 32, diện tích 494,2m^2 đất nông nghiệp trồng lúa và cũng không khiếu kiện gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07590 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 16 tháng 12 năm 2012. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T vắng mặt nhưng tại lời khai bà Đặng Thị T trình bày: Cha của bà là ông Đặng Sơn Thành, mẹ của bà là bà Đào Thị Hằng. Các con của ông Nguyễn Diêu cho rằng bà là con riêng của ông

Nguyễn Diêu là không đúng. Bà không có chăm sóc, nuôi dưỡng gì đối với bà Nguyễn Thị Khái. Bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì liên quan đến gia đình bà Nguyễn Thị Khái. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P vắng mặt nhưng tại Công văn số 1465/UBND-TNMT ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện P có ý kiến như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00546/QSDĐ/D2 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 07 tháng 10 năm 1997 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Khái theo Nghị định 64-CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Thời điểm được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Khái có bao nhiêu thành viên có quyền sử dụng đất, đề nghị Tòa án liên hệ đến Ủy ban nhân dân xã Mỹ Châu để được trả lời.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã M, huyện P vắng mặt nhưng tại Công văn số 150/UBND-VP ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện P có ý kiến như sau: Hộ bà Nguyễn Thị Khái là xã viên Hợp tác xã. Tại thời điểm chốt nhân khẩu 00 giờ ngày 01 tháng 7 năm 1993 giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP, tại biên bản xét duyệt nhân khẩu ngày 12 tháng 8 năm 1993 hộ bà Nguyễn Thị Khái gồm có 02 nhân khẩu (tại thời điểm này bà Nguyễn Thị Khái đứng chủ hộ) gồm các thành viên là bà Nguyễn Thị Khái và bà Nguyễn Thị H. Khi cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP hộ bà Nguyễn Thị Khái đăng ký kê khai sử dụng các thửa đất được hội đồng giao quyền ruộng đất của xã xét duyệt đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa đất số 775, tờ bản đồ số 07, diện tích 576m^2 đất 2L; thửa đất số 556, tờ bản đồ số 06, diện tích 360m^2 đất 2L; thửa đất số 769, tờ bản đồ số 07, diện tích 159m^2 đất 2L; thửa đất số 75, tờ bản đồ số 07, diện tích 564m^2 đất vườn và 200m^2 đất ở.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đối với những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 212, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Tài sản chung của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Khái là quyền sử dụng thửa đất số 22, tờ bản đồ 55, diện tích 839,7m^2, trong đó có 200m^2 đất ở và 639,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác (Tòa thụ lý đo đạc thực tế là 742m^2); thửa đất số 998, tờ bản

đồ số 31, diện tích 484,1m^2 đất trồng lúa nước còn lại; thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32, diện tích 623,4m^2 đất trồng lúa nước còn lại.

Bà Nguyễn Thị H được hưởng phần tài sản chung gồm ½ diện tích đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ 55, gắn liền với ngôi nhà cấp 4, diện tích 371m^2; thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31, diện tích 484,1m^2 đất trồng lúa nước còn lại.

Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Khái chết để lại gồm:

Phần đất còn lại thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 (Trong thửa đất ở, đất vườn) và 01 thửa đất trồng lúa (thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31, diện tích 484,1m^2 đất trồng lúa nước còn lại hoặc thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32, diện tích 623,4m^2 đất trồng lúa nước còn lại) chia cho các đồng thừa kế gồm ông Nguyễn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn H. Ông Nguyễn H chết nên các con của ông Nguyễn H gồm anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T được thừa kế thế vị.

Thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32, diện tích 623,4m^2 đất trồng lúa nước còn lại chia cho các đồng thừa kế thứ nhất gồm ông Nguyễn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn H. Ông Nguyễn H chết nên các con của ông Nguyễn H gồm anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T được thừa kế thế vị.

Giao tài sản:

Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 445,2m^2, có ký hiệu C, D, E thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55, gắn liền với ngôi nhà cấp 4, gồm phần tài sản chung của bà Nguyễn Thị H được chia là 371m^2 và 74,2m^2 phần hưởng thừa kế từ bà Khái. Và thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31, diện tích 484,1m^2 đất trồng lúa nước còn lại.

Giao cho các con ông Nguyễn H gồm anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T được sử dụng phần đất còn lại thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 có diện tích 296,8m^2, ký hiệu A, B trong thửa đất ở, đất vườn. Các con ông Nguyễn H gồm anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T có nghĩa vụ thanh toán lại bằng tiền cho 03 thừa kế còn lại là ông Nguyễn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M với số tiền mỗi phần thừa kế là (24.714.600/4phần) = 6.178.650 đồng.

Giao thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32, diện tích 623,4m^2 đất trồng lúa nước còn lại cho anh Nguyễn Duy Q đang sử dụng tiếp tục sử dụng, anh Nguyễn Duy Q có nghĩa vụ thanh toán lại bằng tiền cho 04 thừa kế còn lại là ông Nguyễn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H (28.053.000 đồng/5phần) = 5.610.600 đồng và các đồng thừa kế khác 5.610.600 đồng/5phần là 1.122.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bà

Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí có giá ngạch và chi phí định giá, thẩm định tại chỗ tương ứng với phần tài sản được chia theo quy định; bà Đặng Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc diện người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là các tranh chấp về dân dự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối tượng tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia quyền sử dụng thửa đất số 297, tờ bản đồ số 32, diện tích 494,2m^2 đất nông nghiệp trồng lúa và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07590 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 16 tháng 12 năm 2012. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là tự nguyện và bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập đối với yêu cầu mà nguyên đơn đã rút nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã M, huyện P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[4]Về nội dung vụ án: Các đương sự đều thống nhất quan hệ gia đình, cụ thể vợ chồng ông Nguyễn Diêu, bà Nguyễn Thị Khái sinh được 05 người con gồm ông Nguyễn H, ông Nguyễn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H. Ngoài ra các đương sự đều cho rằng ông Nguyễn Diêu có một người con riêng là bà Đặng Thị T nhưng bà Thiệp không thừa nhận quan hệ này và cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh quan hệ cha con giữa bà Thiệp và ông Diêu. Ông Nguyễn Diêu chết vào năm 1970, bà Nguyễn Thị Khái chết vào năm 2016. Cha, mẹ của ông Diêu và cha, mẹ của bà Khái đều đã chết trước ông Diêu và bà Khái. Ông Nguyễn H chết vào năm 2015.

Vợ chồng ông Nguyễn H, bà Đặng Thị L sinh được 05 người con gồm anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T. Ngoài ra vợ chồng ông Nguyễn H, bà Đặng Thị L không có con riêng, con nuôi nào khác. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Khái gồm ông Nguyễn H, ông Nguyễn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H. Ông Nguyễn H đã chết và chết trước bà Nguyễn Thị Khái nên theo quy định tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm năm 2015 các con của ông Nguyễn H là anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T là người thừa kế thế vị của ông Nguyễn H đối với phần di sản của bà Nguyễn Thị Khái chết để lại.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Các đương sự không thống nhất với nhau về chủ sử dụng các thửa đất, trong đó bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M đều thống nhất thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 là do bà Nguyễn Thị Khái và bà Nguyễn Thị H cùng tạo lập vào năm 1981; các thửa đất nông nghiệp trồng lúa còn lại được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị Khái và bà Nguyễn Thị H. Ông Nguyễn H, bà Đặng Thị L, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T đều cho rằng thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Khái. Bà Đặng Thị L, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T đều cho rằng các thửa đất nông nghiệp trồng lúa còn lại là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Khái. Ông Nguyễn H cho rằng các thửa đất nông nghiệp trồng lúa còn lại được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị Khái và bà Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ theo lời khai của các đương sự thì bà Nguyễn Thị H sống với cha, mẹ từ nhỏ tại ngôi nhà hiện nay ông Nguyễn Văn B đang quản lý, sử dụng. Đến khi ngôi nhà của cha, mẹ bị hư hỏng, ông Nguyễn Văn B về tu sửa lại thì vào năm 1981 bà Nguyễn Thị H cùng với bà Nguyễn Thị Khái chuyển đến thửa đất có tục danh là Vườn Ngữ, nay là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 để che nhà ở tạm. Như vậy, quá trình sinh sống, bà Nguyễn Thị H cùng bà Nguyễn Thị Khái sống chung với nhau, cùng nhau khai hoang thửa đất để ổn định chỗ ở. Ông Nguyễn H, bà Đặng Thị L, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T cho rằng thửa đất này là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Khái nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 07590 ngày 16 tháng 02 năm 2012 Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Nguyễn Thị Khái được quyền sử dụng thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55. Tuy nhiên theo hồ sơ địa chính năm 1993, thửa đất trên có số thửa 400, tờ bản đồ số 07, diện tích 764m^2 gồm 200m^2 đất ở và 564m^2 đất vườn đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00546 QSDĐ/D2 ngày 07 tháng 10 năm 1997 cho hộ Nguyễn Thị Khái được quyền sử dụng. Tại Công văn số 150/UBND-VP ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện P có ý kiến như sau: Hộ bà Nguyễn Thị Khái là xã viên Hợp tác xã. Tại thời

điểm chốt nhân khẩu 00 giờ ngày 01 tháng 7 năm 1993 giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP, tại biên bản xét duyệt nhân khẩu ngày 12 tháng 8 năm 1993 hộ bà Nguyễn Thị Khái gồm có 02 nhân khẩu (tại thời điểm này bà Nguyễn Thị Khái đứng chủ hộ) gồm các thành viên là bà Nguyễn Thị Khái và bà Nguyễn Thị H. Đối với các thửa đất nông nghiệp trồng lúa gồm thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32, diện tích 623,4m^2; thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31, diện tích 484,1m^2. Hội đồng xét xử xét thấy các thửa đất trên đều được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Khái được quyền sử dụng đất. Theo các tài liệu, chứng cứ thì hộ bà Nguyễn Thị Khái có hai thành viên được quyền sử dụng các thửa đất trên gồm bà Nguyễn Thị Khái và bà Nguyễn Thị H. Do đó, theo Điều 212 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 29, khoản 30 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Khái và bà Nguyễn Thị H là người được quyền sử dụng chung thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55; thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32; thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31. Theo hiện trạng đo đạc ngày 21 tháng 10 năm 2020, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 có diện tích 742m^2, thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32 có diện tích 623,4m^2; thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31 có diện tích 484,1m^2. Các đương sự đều thống nhất không tranh chấp gì với diện tích đo đạc thực tế trên.

[6] Đối với tài sản ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55. Bà Nguyễn Thị H yêu cầu xác định ngôi nhà là tài sản thuộc quyền sở hữu riêng của bà Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy, theo Giấy thuận phân ngày 10 tháng 11 năm 2004 âm lịch do bà Nguyễn Thị Khái lập có nội dung *"Ngôi nhà tôi xây dựng hồi đó có tiền của Nguyễn Thị Hường đóng góp trị giá tất cả là 08 chỉ vàng 24k"*. Bà Nguyễn Thị H ký xác nhận vào Giấy thuận phân này nên có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị H cùng với bà Nguyễn Thị Khái đóng góp xây dựng ngôi nhà chứ không phải một mình bà Nguyễn Thị H tạo lập tài sản này. Nội dung giấy thuận phân không nói rõ phần bà Nguyễn Thị Khái bỏ ra để xây dựng ngôi nhà là bao nhiêu và các bên đều không cung cấp được chứng cứ để xác định được giá trị tại thời điểm ngôi nhà được xây dựng cụ thể bao nhiêu tiền. Tòa án đã tiến hành định giá tài sản ngôi nhà nhưng cũng không thể tính toán được giá trị tài sản tại thời điểm xây dựng vì ngôi nhà đã được xây dựng trên 20 năm; hiện nay đã hết giá trị khấu hao, giá cả vật liệu xây dựng hàng năm có nhiều biến đổi. Do đó xác định bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Khái được quyền hưởng ngang nhau đối với tài sản chung trên.

[7] Xét nội dung Giấy thuận phân ngày 10 tháng 11 năm 2004 âm lịch. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 10 tháng 11 năm 2004 âm lịch, bà Nguyễn Thị Khái cùng các con lập giấy thuận phân với nội dung giao nhà và đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 cho ông Nguyễn H quản lý, sử dụng để có người ở với bà Nguyễn Thị Khái từ ngày lập giấy thuận phân cho đến khi bà Nguyễn Thị Khái qua đời. Nội dung giấy thuận phân còn thể hiện *"Nguyễn H có trách nhiệm làm giúp cho mẹ có ăn cụ thể như ruộng vv..."* và trả lại cho bà Nguyễn Thị Hưởng 08 chỉ vàng 24k mà bà Nguyễn Thị H đã đóng góp cùng xây nhà với bà Nguyễn Thị Khái. Như vậy việc tặng cho tài sản giữa bà Nguyễn Thị Khái, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn H là tặng cho có điều kiện.Tuy nhiên, sau

khi thỏa thuận tặng cho tài sản trên thì ông Nguyễn H không thực hiện nghĩa vụ như cam kết, cụ thể ông Nguyễn H không sinh sống cùng bà Nguyễn Thị Khái, không giao trả vàng cho bà Nguyễn Thị H. Như vậy ông Nguyễn H đã vi phạm nghĩa vụ được giao kèm theo khi tặng cho. Ngoài ra, việc tặng cho này chưa được bà Nguyễn Thị Khái, bà Nguyễn Thị H thực hiện trên thực tế, cụ thể vào năm 2012, bà Nguyễn Thị Khái vẫn đứng tên kê khai và được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên. Tại phiên tòa hôm nay bà Đặng Thị L, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q và các đương sự khác đều không yêu cầu công nhận Giấy thuận phân trên. Như vậy, ông Nguyễn H đã vi phạm nghĩa vụ nên giao dịch tặng cho giữa bà Nguyễn Thị Khái, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn H bị hủy bỏ theo quy định tại Điều 134, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 1995 và Điều 125, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, việc tặng cho tài sản quyền sử dụng đất và ngôi nhà trên giữa bà Nguyễn Thị Khái, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn H bị hủy bỏ nên các tài sản trên vẫn thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của bà Nguyễn Thị Khái và bà Nguyễn Thị H, trong đó mỗi người được sở hữu, sử dụng ½ tài sản trên. Theo kết quả định giá, diện tích đất ở của thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 có giá trị 165.000 đồng/m^2 x 200m^2 = 33.000.000 đồng, đất trồng cây hàng năm khác có giá trị 45.000 đồng/m^2 x 542m^2 = 24.390.000 đồng; ngôi nhà cấp 4 có giá trị 5.000.000 đồng. Tổng giá trị nhà, đất là 62.390.000 đồng. Giá trị đất nông nghiệp trồng lúa là (484,1m^2 + 623,4 m^2) x 45.000 đồng/m^2 = 49.837.500 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản tranh chấp là 62.390.000 đồng + 49.837.500 đồng = 112.227.500 đồng. Căn cứ các điều 219, 220 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà Nguyễn Thị Khái và bà Nguyễn Thị H được chia tài sản mỗi người có giá trị 56.113.750 đồng. Đối với phần di sản của bà Nguyễn Thị Khái chết để lại không có di chúc nên áp dụng khoản 1 Điều 650, Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013 chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Khái chết để lại theo quy định của pháp luật. Di sản của bà Nguyễn Thị Khái được chia cho 05 người ở hàng thừa kế thứ nhất gồm ông Nguyễn H, ông Nguyễn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H. Ông Nguyễn H chết trước bà Nguyễn Thị Khái nên các con của ông Nguyễn H gồm anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T được hưởng phần di sản mà ông Nguyễn H được hưởng của bà Nguyễn Thị Khái. Ông Nguyễn H từ chối nhận di sản nên di sản của bà Nguyễn Thị Khái được chia làm 04 kỷ phần, trong đó giá trị mỗi kỷ phần là 14.028.438 đồng. Như vậy bà Nguyễn Thị H được nhận tài sản có giá trị 70.142.188 đồng, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M mỗi người được nhận tài sản có giá trị 14.028.438 đồng, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T cùng nhận tài sản có giá trị 14.028.438 đồng.

[9] Xét yêu cầu phân chia tài sản chung và phân chia di sản bằng hiện vật. Hội đồng xét xử xét thấy đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55, diện tích 742m^2, trong đó có 200m^2 đất ở và 542m^2 đất trồng cây hàng năm khác không thể phân chia bằng hiện

vật cho tất cả các đồng thừa kế. Vì di sản của bà Nguyễn Thị Khái nằm trong khối tài sản chung với bà Nguyễn Thị H; trước khi chết thì bà Nguyễn Thị Khái có nguyện vọng giao tài sản của bà Nguyễn Thị Khái cho ông Nguyễn H. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chia tài sản chung và phân chia di sản của bà Nguyễn Thị Khái cho bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T được nhận bằng hiện vật; cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M được nhận bằng giá trị, cụ thể chia giao cho bà Nguyễn Thị H phần diện tích đất và ngôi nhà có giới cận phía bắc giáp phần đất được chia giao cho anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T; phía nam giáp đường bê tông; phía đông giáp đường bê tông; phía tây giáp nhà ông Trần Tế. Tổng diện tích đất mà bà Nguyễn Thị H được nhận là 445,2m^2, trong đó 125m^2 đất ở và 320,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Chia giao cho anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T phần diện tích đất có giới cận phía bắc giáp nhà ông Lâm Hữu Hoa; phía nam giáp phần đất, ngôi nhà chia giao cho bà Nguyễn Thị H; phía đông giáp đường bê tông; phía tây giáp nhà ông Trần Tế. Tổng diện tích đất mà anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T được nhận là 296,8m^2, trong đó 75m^2 đất ở và 221,8m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Đối với các thửa đất nông nghiệp trồng lúa, Hội đồng xét xử chia giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32, diện tích 623,4m^2 đất trồng lúa nước còn lại; chia giao cho anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T được quyền sử dụng thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31, diện tích 484,1m^2 đất trồng lúa nước còn lại.

[11] Hội đồng xét xử xét thấy, giá trị thực tế tài sản ngôi nhà, một phần diện tích thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 mà bà Nguyễn Thị H được nhận có giá trị 40.034.000 đồng và thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32 có giá trị 28.053.000 đồng, tổng cộng tài sản mà bà Nguyễn Thị H được nhận có giá trị 68.087.000 đồng. Giá trị thực tế tài sản một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55 mà anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T được nhận có giá trị 22.356.000 đồng và thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31 có giá trị 21.784.500 đồng, tổng cộng tài sản mà anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T được nhận có giá trị 44.140.500 đồng. Giá trị tài sản mà anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T được nhận nhiều hơn giá trị kỷ phần di sản được chia nên anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác, cụ thể là thanh toán lại cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M mỗi người với số tiền 14.028.438 đồng, lấy tròn số 14.028.000 đồng; thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.055.187 đồng, lấy tròn số 2.055.000 đồng.

[12] Xét chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 4.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 157 của Bộ luật tố tụng

dân sự bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 2.500.000 đồng; ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị M mỗi người phải chịu số tiền 500.000 đồng; anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T cùng phải chịu số tiền 500.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng số tiền 4.000.000 đồng nên ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị M mỗi người phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 500.000 đồng; anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T cùng phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 500.000 đồng.

[13] Xét chi phí định giá tài sản: Chi phí định giá tài sản với số tiền 2.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 1.250.000 đồng; ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị M mỗi người phải chịu số tiền 250.000 đồng; anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T cùng phải chịu số tiền 250.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng nên ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị M mỗi người phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 250.000 đồng; anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T cùng phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 250.000 đồng.

[14] Xét tiền án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 70.142.000 đồng x 5% = 3.507.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T cùng phải chịu số tiền 14.028.000 đồng x 5% = 701.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 134, 466 của Bộ luật dân sự năm 1995; các điều 125, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 212, 219, 220, 612, 620, 623, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 29, khoản 30 Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Xác định thửa đất số 22, tờ bản đồ 55, diện tích 742m^2, trong đó có 200m^2 đất ở và 542m^2 đất trồng cây hàng năm khác và ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 22, tờ bản đồ 55; thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32, diện tích 623,4m^2 đất trồng lúa nước còn lại; thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31, diện tích 484,1m^2 đất trồng lúa nước còn lại; địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định thuộc quyền sử dụng chung của bà Nguyễn Thị Khái và bà Nguyễn Thị H.

2. Xác định di sản của bà Nguyễn Thị Khái chết để lại là ½ tài sản chung trên. Bà Nguyễn Thị Khái chết không để lại di chúc nên di sản của bà Nguyễn Thị Khái được chia theo quy định của pháp luật.

3. Chia giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng một phần thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55, diện tích 445,2m^2, trong đó 125m^2 đất ở và 320,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác và được quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55, địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có giới cận phía bắc giáp phần đất chia giao cho anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T, phía nam giáp đường bê tông, phía đông giáp đường bê tông, phía tây giáp nhà ông Trần Tế, được ký hiệu phần C, phần D, phần E trong sơ đồ trích đo bản đồ địa chính kèm theo Bản án này. Hiện nay không ai trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản trên.

4. Chia giao cho anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T được quyền sử dụng một phần thửa đất số 22, tờ bản đồ số 55, diện tích 296,8m^2, trong đó 75m^2 đất ở và 221,8 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có giới cận phía bắc giáp nhà ông Lâm Hữu Hoa, phía nam giáp phần đất chia giao cho bà Nguyễn Thị H, phía đông giáp đường bê tông, phía tây giáp đường bê tông, được ký hiệu phần A, phần B trong sơ đồ trích đo bản đồ địa chính kèm theo Bản án này. Hiện nay không ai trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản trên.

5. Chia giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 435, tờ bản đồ số 32, diện tích 623,4 m^2 đất trồng lúa nước còn lại, địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Hiện nay anh Nguyễn Duy Q đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất trên nên buộc anh Nguyễn Duy Q có nghĩa vụ giao lại thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị H sử dụng. Hiện trạng thửa đất theo trích đo bản đồ địa chính kèm theo Bản án này.

6. Chia giao cho anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T được quyền sử dụng thửa đất số 998, tờ bản đồ số 31, diện tích 484,1 m^2 đất trồng lúa nước còn lại, địa chỉ thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Hiện nay bà Nguyễn Thị H đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất trên nên buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao lại thửa đất trên cho anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T sử dụng. Hiện trạng thửa đất theo trích đo bản đồ địa chính kèm theo Bản án này.

7. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất trên theo quy định của pháp luật đất đai.

8. Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T cùng có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Nguyễn Văn B số tiền 14.028.000 đồng (Mười bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

9. Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T cùng có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền 14.028.000 đồng (Mười bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

10. Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T cùng có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.055.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

11. Kể từ ngày có đơnyêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

12. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia quyền sử dụng thửa đất số 297, tờ bản đồ số 32, diện tích 494,2m^2 đất trồng lúa nước còn lại và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07590 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 16 tháng 12 năm 2012.

13. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng); bà Nguyễn Thị H đã nộp xong.

Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

14. Về chi phí định giá tài sản:

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm chục nghìn đồng); bà Nguyễn Thị H đã nộp xong.

Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm chục nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 250.000

đồng (Hai trăm năm chục nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm chục nghìn đồng).

15. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 3.507.000 đồng (Ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000848 ngày 03 tháng 7 năm 2019 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000919 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ nên bà Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 1.707.000 đồng (Một triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Duy Q, chị Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Như T cùng phải chịu số tiền 701.000 đồng (Bảy trăm lẻ một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

16. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 29 tháng 7 năm 2021). Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phù Mỹ;
- CC THADS huyện Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Minh